

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2019
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hồng Khánh

Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/4/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1989; có mặt

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Bị đơn: Ông Lữ Hồng S, sinh năm 1989; vắng mặt

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã L, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Nơi cư trú hiện nay: Khu tái định cư H, thôn Q, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn trình bày ngày 28/6/2019, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Lữ Hồng S kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng

nhận kết hôn số 110/2013, quyền số 01/2012 ngày 24/9/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn T, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến cuối năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người không còn hòa hợp, không có được tiếng nói chung, ông S không lo làm ăn, bỏ bê cuộc sống gia đình, đua đòi ăn chơi, còn xúc phạm đánh đập bà T, bà T về nhà ba mẹ ruột ở Quảng Trị sống từ tháng 12/2018 cho đến nay. Nay bà T xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lữ Hồng S.

Về quan hệ con chung: Giữa bà T và ông Lữ Hồng S có hai con chung là cháu Lữ Hồng P, sinh ngày 28/9/2014 và Lữ Thị Hồng T1, sinh ngày 14/5/2017. Ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con Lữ Thị Hồng T1, giao con Lữ Hồng P cho ông S nuôi dưỡng. Không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận giữa bà và ông S không có.

Bị đơn ông Lữ Hồng S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật, tuy nhiên ông S vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án và tại bản tự khai ông S trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lữ Hồng S xác nhận về thời gian, địa điểm kết hôn, nơi chung sống sau kết hôn như bà T trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà T đã về Quảng Trị sinh sống. Tại lần hòa giải đầu tiên ông S đã níu kéo tình cảm để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, bà T vẫn cương quyết ly hôn nên ông đồng ý.

Về quan hệ con chung: Ông S xác nhận giữa ông với bà T có 02 con chung là cháu Lữ Hồng P, sinh ngày 28/9/2014 và Lữ Thị Hồng T1, sinh ngày 14/5/2017. Ly hôn, ông S thống nhất với ý kiến của bà T, ông xin nuôi con Lữ Hồng P, giao con Lữ Thị Hồng T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông S xác nhận giữa ông với bà T không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo, trừ bị đơn ông Lữ Hồng S đã không thực hiện nghĩa vụ của đương sự là đến Tòa theo triệu tập do vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt ông S.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ quy định tại Điều 56; khoản 1 Điều 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với ông ông Lữ Hồng S.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Lữ Hồng S.

Về quan hệ con chung: Giao con Lữ Hồng P, sinh ngày 28/9/2014 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; giao con Lữ Thị Hồng T1, sinh ngày 14/5/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

+ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông S xác định vợ chồng không có nên không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lê Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng thụ lý giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối với bị đơn ông Lữ Hồng S, trú tại: Khu tái định cư H, thôn Q, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà T là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa bị đơn ông Lữ Hồng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt ông S.

Về nội dung:

[3] Bà Lê Thị T và ông Lữ Hồng S xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng vào ngày 24/9/2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau kết hôn, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến cuối năm 2013 đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà T là do hai người không còn hòa hợp, không có được tiếng nói chung, ông S không lo làm ăn, bỏ bê cuộc sống gia đình, đua đòi ăn chơi, xúc phạm đánh đập bà T, bà T bỏ về nhà ba mẹ ruột tại Quảng Trị sống từ tháng 12/2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, ông S thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng, tại lần hòa giải ngày 07/6/2019 ông đã cố níu kéo hạnh phúc để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được, tại bản tự khai ngày 26/7/2019 ông S đồng ý ly hôn với bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà T và ông S không có đời sống hôn nhân hạnh phúc, thực tế hiện nay hai người không chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng không có, giữa vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Thường xin ly hôn, ông S đồng ý. Xét ý kiến của ông S thống nhất với yêu cầu của bà T nên ghi nhận ý kiến của ông S. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông Lữ Hồng S là hợp lý.

[4] Về con chung: Bà T và ông S xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Lữ Hồng P, sinh ngày 28/9/2014 và Lữ Thị Hồng T1, sinh ngày 14/5/2017. Ly hôn, bà T xin nuôi cháu Lữ Thị Hồng T1, giao cháu Lữ Hồng P cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Ý kiến của ông S thống nhất với yêu cầu của bà T.

Xét nguyện vọng của bà T và ý kiến của ông S thì thấy: Bà T và ông S có hai con chung, khi ly hôn cả ông S và bà T đều có quyền và nghĩa vụ đối với các con cũng P có quyền nuôi con. Bà T xin nuôi cháu Lữ Thị Hồng T1, giao cháu Lữ Hồng P cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Ý kiến của ông S thống nhất với yêu cầu của bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà T và ông S không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào, nên HĐXX không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông S xác nhận không có, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng đề nghị phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với ông Lữ Hồng S về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Lữ Hồng S.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con Lữ Hồng P, sinh ngày 28/9/2014 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Giao con Lữ Thị Hồng T1, sinh ngày 14/5/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Lê Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp tại biên lai thu số 0002210 ngày 11/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà T đã nộp đủ án phí.

Bà Lê Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 12/8/2019.

Riêng ông Lữ Hồng S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Liên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thế Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA